

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 298/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-11-2024  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  - Ông Trần Thanh Sang;
  - Bà Đào Thị Thu Vân.

**Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Trọng Khiêm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 677/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 928/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**Bị đơn:** Ông Võ Hồng N, sinh năm 1979; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc M trình bày, bà M và ông N do tự tìm hiểu, kết hôn với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 07/4/2003. Trong thời gian chung sống, vợ chồng

có sinh được 02 con chung tên Võ Quang H, sinh ngày 08/3/2005 và Võ Tiến H1, sinh ngày 22/9/2009. Hiện tại, cháu H đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, cháu H1 đang được bà M chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N hay ghen tuông nên xảy ra hành vi đánh bà M nhiều lần, lần gần nhất khoảng ngày 16 và 17/10/2024, bà M bị sưng vùng mắt, ngoài nhìn vào có thể thấy được và tổn thương bên trong nhưng không điều trị tại cơ sở y tế chỉ mua thuốc tây về uống. Mâu thuẫn gia đình địa phương không biết do không trình báo, dàn xếp nội bộ gia đình. Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ giữa tháng 10/2024 đến nay, không tới lui thăm nhau. Từ khi nộp đơn khởi kiện đến nay, ông N có liên lạc với bà M khi trong người có sử dụng rượu, bia thể hiện lời nói thiếu khiêm nhã, không có thiện chí hàn gắn.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông N; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung tên Võ Quang H do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Tờ tự khai của bà Nguyễn Ngọc M; Bản sao giấy khai sinh số 114/2005 ngày 31/3/2005 do Ủy ban nhân dân xã H cấp đối với Võ Quang H; bản sao giấy khai sinh số 524/2009 ngày 06/10/2009 do Ủy ban nhân dân xã H cấp đối với Võ Tiến H1 (bản sao) và bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 89/2003, ngày 07/4/2003 do Ủy ban nhân dân xã H cấp đối với bà Nguyễn Ngọc M và ông Võ Hồng N.

Trước phiên tòa được mở, bà M có đơn xin xét xử vắng mặt và có nội dung thay đổi ý kiến trình bày về con chung. Bà Minh xác Đ cháu H1 đang được ông N chăm sóc nuôi dưỡng và đồng ý để ông N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Hồng N trình bày, thống nhất với ý kiến của bà M về quá trình hôn nhân, thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và thời gian không còn sống chung. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông N hay ghen tuông nên xảy ra hành vi đánh bà M, khi đánh bà M trong người có sử dụng rượu, bia, lần gần nhất khoảng ngày 16 và 17/10/2024 gây thương cho bà M bị sưng vùng mắt, ngoài nhìn vào có thể thấy được.

Ông N muốn con ổn định việc học, việc ly hôn ảnh hưởng đến tâm lý các con, còn thương vợ nên ông N không đồng ý ly hôn với bà M; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết đối với con chung tên Võ Quang H do đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; đối với cháu H1, nếu cháu có nguyện

vọng ở với ai thì sẽ tôn trọng theo nguyện vọng của cháu, các bên không cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà M, bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng bà M và ông N đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông N; ông N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Tiến H1, bà M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Hồng N. Đồng thời, ông N cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Ngọc M, ông Võ Hồng N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông N theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà M và ông N tự nguyện kết hôn vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã H nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông N là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà M cho rằng, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, ông N hay ghen tuông nên xảy ra hành vi đánh bà M nhiều lần.

Vợ chồng không còn sống với nhau từ giữa tháng 10/2024 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu ly hôn với ông N.

Ông N thống nhất với trình bày của bà M về quá trình hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình và thời điểm vợ chồng không còn sống chung. Đối với yêu cầu ly hôn của bà M, ông N không đồng ý vì muốn con ổn định việc học, việc ly hôn ảnh hưởng đến tâm lý các con, còn thương vợ.

Xét thấy, theo lời khai của bà M, ông N và ý kiến của cháu H1, trong thời gian chung sống, bà M và ông N phát sinh nhiều mâu thuẫn, có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần và không còn sống chung từ giữa tháng 10/2024 đến nay, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, Tòa án đã tạo điều kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M, ông N trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông N theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà M và ông N xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Võ Quang H, sinh ngày 08/3/2005 và Võ Tiến H1, sinh ngày 22/9/2009. Bà M, ông N thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét đối với cháu H do cháu đã thành niên, có khả năng lao động nuôi sống bản thân; bà M đồng ý để cho ông N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1, ông N thống nhất theo nguyện vọng của cháu H1.

Xét thấy, cháu H đã thành niên có khả năng lao động nuôi sống bản thân, ông N và bà M thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đề cập đến. Cháu H1 hiện đang ở cùng với ông N phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Mặc khác, cháu có nguyện vọng ở cùng với ông N để thuận lợi cho việc đi học, bà M đồng ý để ông N được nuôi dưỡng cháu H1, ông N cũng thống nhất theo nguyện vọng của con. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M, giao cháu H1 cho ông N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông N không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông N xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Ông N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

***Tuyên xử:***

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc M.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc M được ly hôn với ông Võ Hồng N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 89/2003, ngày 07/4/2003 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Nguyễn Ngọc M và ông Võ Hồng N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Do con chung Võ Quang H, sinh ngày 08/3/2005 đã cháu H đã thành niên, có khả năng lao động, nuôi sống bản thân nên Tòa án xem xét, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung. Ông N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Tiến H1, sinh ngày 22/9/2009. Bà Nguyễn Ngọc M không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Võ Hồng N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Ngọc M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023492 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28 tháng 10 năm 2024; bà Nguyễn Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Ông Võ Hồng N không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Ngọc M, ông Võ Hồng N có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã Hòa An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Ngô Thị Lâm**